TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 01 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phin

Ông Nguyễn Văn Điển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2019/TLST-HNGĐ ngày 08-6-2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-12-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20-12-2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh NDD; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 1035 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; địa chỉ chỗ ở hiện nay: Số 2/312 D, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Chị PTL; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 1035 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; địa chỉ chỗ ở hiện nay: Số 2/312 D, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17-7-2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh NDD trình bày:

Anh NDD và chị PTL xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận C, thành phố Hải Phòng

năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng giữa hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và tính cách nên đã sống ly thân và không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau. Nay, anh NDD cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị PTL theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con là F, sinh ngày 13-3-2012, hiện anh NDD đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, anh NDD có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh NDD đề nghị hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Chị PTL vắng mặt tại phiên toà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn cũng như đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Toà án để làm việc, nhưng chị PTL đều vắng mặt không có lý do và không giao nộp văn bản trình bày quan điểm, ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Toà án.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho anh NDD ly hôn chị PTL. Về con chung: Giao con F, sinh ngày 13-3-2012 cho anh NDD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con, anh NDD không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Anh NDD không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh NDD phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị PTL đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh NDD và chị PTL kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận C, thành phố Hải Phòng ngày 14-9-2012 theo giấy chứng nhận kết hôn số 91/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa anh NDD và chị PTL là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Anh NDD cho rằng, quá trình chung sống giữa anh và chị PTL có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về cách sống nên giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Và trên thực tế, các bên đã sống ly thân và không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Nay, anh NDD yêu cầu giải quyết ly hôn, chị PTL vắng mặt tại phiên tòa và không có quan điểm, ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua đó đánh giá rằng, chị PTL không thiện chí và không có biện pháp gì cụ thể để khắc phục mâu thuẫn giữa vợ và chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh NDD và chị PTL đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc anh NDD yêu cầu ly hôn với chị PTL là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh NDD và chị PTL có 01 con là F, sinh ngày 13-3-2012. Ly hôn, anh NDD có nguyện vọng được nuôi dưỡng con cho đến khi con thành niên. Tại phiên tòa, anh NDD trình bày, hiện tại anh làm nghề lao động tự do, thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng và có nơi ở ổn định nên có khả năng nuôi dưỡng con; chị PTL vắng mặt tại phiên tòa và không có quan điểm, ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Trong khi đó cháu F hiện đang sống cùng anh NDD và có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con F cho anh NDD nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện thực tế, phù hợp nguyện vọng của con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.1] Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh NDD đề nghị hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa các bên.

[5] Về tài sản chung: Anh NDD không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh NDD phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008308 ngày 06-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh NDD ly hôn chị PTL.

2. Về con chung: Giao con F, sinh ngày 13-3-2012 cho anh NDD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh NDD phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008308 ngày 06 - 8 - 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Anh NDD đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND P. E, Q. C;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Hữu Hường